

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **370/2024/DS-PT**

Ngày: 27 - 12 - 2024

“Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hương và bà Nguyễn Thị Hạnh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 371/2024/TLPT-DS ngày 13/11/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2024/DS-ST, ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 378/2024/QĐ-PT, ngày 27/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 369/2024/QĐ-PT ngày 16/12/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Hồng T1.

Địa chỉ: A C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Văn Thanh H.

Địa chỉ: Hẻm A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Mai Thị Linh N.

Địa chỉ: A C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Văn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Hồng T1 trình bày có nội dung như sau:*

Vợ chồng tôi và ông Văn Thanh H có mối quan hệ quen biết với nhau nên vào ngày 28/04/2022 ông H có mượn vợ chồng tôi số tiền là 500.000.000 đồng. Vợ chồng tôi đã đưa cho ông H toàn bộ số tiền trên vào ngày 28/04/2022, giấy vay không tính lãi xuất. Theo đó, hai bên có thỏa thuận vào ngày 27/10/2022 ông H sẽ thanh toán số tiền trên cho vợ chồng tôi. Tại thời điểm giao nhận tiền hai bên có lập một Giấy mượn tiền viết tay có chữ ký và lãn tay điểm chỉ của ông H. Vì tin tưởng nên khi cho ông H mượn tiền vợ chồng tôi không yêu cầu thế chấp tài sản gì khác.

Vợ chồng tôi thừa nhận vào ngày 17/11/2023 ông H đã trả số tiền 40.000.000 đồng và ngày 08/02/2024 ông H trả số tiền 30.000.000 đồng trả qua tài khoản của bà Phan Thị Hồng T1. Số tiền còn lại 430.000.000 đồng ông H không trả. Đến nay đã quá hạn rất lâu, mặc dù chúng tôi nhiều lần yêu cầu ông H thanh toán số tiền đã vay cho chúng tôi nhưng ông H vẫn cứ khất lãn, cố tình tránh né, không chịu thanh toán khoản tiền nói trên. Nhận thấy hành vi của ông H đã vi phạm cam kết cũng như thỏa thuận về việc cho mượn tiền giữa các bên, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng tôi. Nay chúng tôi kính đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho yêu cầu của chúng tôi như sau:

Buộc ông Văn Thanh H phải trả cho vợ chồng tôi toàn bộ số tiền chưa trả là 430.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi xuất. Số tiền này không liên quan đến vợ ông H nên vợ chồng tôi đề nghị không đưa vợ ông H vào tham gia tố tụng.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Mai Thị Linh N trình bày:*

Ngày 28/04/2022 ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Hồng T1 có cho ông Văn Thanh H vay với số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 17/11/2023 ông Văn Thanh H đã thanh toán trước 40.000.000 đồng số tài khoản 120810101000035 (Ngân hàng X), chủ tài khoản Phan Thị Hồng T1 – Có biên lai chuyển tiền. Ngày 08/02/2024 ông Văn Thanh H đã thanh toán thêm 30.000.000 đồng qua số tài khoản 120810101000035 (Ngân hàng X), chủ tài khoản Phan Thị Hồng T1 – Có tin nhắn xác nhận đã nhận tiền. Vì vậy, ông H còn nợ ông T và bà T1 số tiền là: 430.000.000 đồng.

Tuy nhiên, vì tình hình kinh tế suy thoái, khó khăn, làm ăn thua lỗ nên hiện tại ông Văn Thanh H chưa đủ khả năng thanh toán số tiền nợ 430.000.000 đồng cho phía nguyên đơn nên đã nhiều lần hứa hẹn. Hiện tại ông H mong muốn ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Hồng T1 tạo điều kiện cho ông H được thanh toán số tiền nợ trên vào tháng 01/2025. Nếu nguyên đơn không đồng ý thì đề nghị Tòa án xét xử theo quy định

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2024/DS-ST, ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Hồng T1.

Buộc ông Văn Thanh H phải trả số tiền 430.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Hồng T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2024, bị đơn ông Văn Thanh H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về tố tụng, Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Văn Thanh H là trong hạn luật định, ông H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn ông Văn Thanh H vắng mặt, người đại diện của bị đơn bà Mai Thị Linh N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn ông Văn Thanh H:

- Về số tiền vay: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền bị đơn thừa nhận ông Văn Thanh H có vay của vợ chồng ông T, bà T1 số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 28/4/2022 và có ký giấy mượn tiền. Sau đó ngày 17/11/2023 ông H đã trả số tiền 40.000.000 đồng; ngày 08/2/2024 ông H trả số tiền 30.000.000 đồng và còn nợ số tiền là 430.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H mong muốn ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Hồng T1 tạo điều kiện cho ông H được thanh toán số tiền nợ trên vào tháng 01/2025 nhưng ông T, bà T1 không đồng ý cho ông Văn Thanh H khất nợ mà phải trả hết ngay một lần.

Như vậy, xác định việc ông H có vay tiền và còn nợ ông T, bà T1 số tiền 430.000.000 đồng là có thật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

[2] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn buộc ông H phải trả cho ông T, bà T1 số tiền 430.000.000 đồng, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn ông Văn Thanh H là không có cơ sở chấp nhận, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về lãi suất: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Hồng T1 không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Văn Thanh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Văn Thanh H ; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 205/2024/DS-ST, ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Các Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Hồng T1.

2. Buộc ông Văn Thanh H phải trả số tiền 430.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Hồng T1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Văn Thanh H phải chịu 21.500.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị Hồng T1 số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số 0013035 ngày 25/6/2024.

2. Án phí phúc thẩm: Ông Văn Thanh H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0013606 ngày 02/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. (Do bà Lưu Thị Thúy K nộp thay).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP Buôn Ma Thuột;
- TAND TP Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhung

